

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 27/2016/QĐ-UBND

*Bình Thuận, ngày 03 tháng 8 năm 2016*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Chương trình Giảm nghèo bền vững  
tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2016 - 2020**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 398/QĐ-TTg ngày 11/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch triển khai Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12/11/2015 về phê duyệt chủ trương đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 06/2016/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X về Chương trình giảm nghèo bền vững tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2016 - 2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này Chương trình Giảm nghèo bền vững tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2016 - 2020.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, thủ trưởng các cơ quan liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ Quyết định thi hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH  
Nguyễn Ngọc Hai**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **CHƯƠNG TRÌNH**

### **Giảm nghèo bền vững tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2016 - 2020**

*(Kèm theo Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND*

*ngày 03/8/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận)*

## **I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU**

### **1. Mục tiêu:**

#### **a) Mục tiêu chung:**

Tập trung phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện giảm nghèo bền vững, hạn chế tái nghèo; từng bước nâng cao điều kiện sống, tăng thu nhập và khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản cho người nghèo, cận nghèo, nhất là ở các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã bãi ngang ven biển và hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, góp phần bảo đảm an sinh xã hội và thu hẹp dần khoảng cách chênh lệch về mức sống giữa các vùng và các nhóm dân cư.

#### **b) Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể:**

- Phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh bình quân 1- 1,2%/năm (riêng đối với xã có tỷ lệ hộ nghèo cao (trên 20%) giảm bình quân từ 2 - 3%/năm) theo chuẩn nghèo đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 – 2020;

- Giảm từ 13 xã có tỷ lệ hộ nghèo cao (20% trở lên) xuống còn 5 xã vào cuối năm 2020;

- Hỗ trợ 7.400 lao động thuộc hộ nghèo được học nghề, tạo việc làm (giai đoạn 2016 - 2020);

- Đảm bảo 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo được thụ hưởng đầy đủ các chính sách ưu đãi theo quy định hiện hành của Nhà nước, được tiếp cận tốt các dịch vụ xã hội cơ bản, như: y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, thông tin;

- Các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội ở các xã, thôn đặc biệt khó khăn, hải đảo được tập trung đầu tư xây dựng theo tiêu chí nông thôn mới, trước hết là hạ tầng thiết yếu như: giao thông, điện, nước sinh hoạt, trường học, trạm y tế...;

- Hàng năm, có 100% cán bộ, công chức làm công tác lao động - thương binh và xã hội, giảm nghèo các cấp được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ để thực hiện tốt các chương trình, dự án đã xây dựng.

## II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng và sản xuất cho các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và xã đảo (theo Quyết định số 539/QĐ-TTg ngày 08/3/2013 và Quyết định số 202/QĐ-TTg ngày 01/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ, toàn tỉnh có 06 xã gồm: Tam Thanh, Ngũ Phụng, Long Hải (Phú Quý), Phước Thử, Bình Thạnh (Tuy Phong), Sơn Mỹ (Hàm Tân).

### 1.1. Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng:

#### a) Mục tiêu:

Tăng cường cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất và dân sinh tại các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, xã đảo, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện đời sống của người dân.

#### b) Nhiệm vụ:

- Tiếp tục rà soát, đầu tư hoàn thiện hệ thống các công trình hạ tầng cơ sở thiết yếu như: đường giao thông nông thôn, điện phục vụ sinh hoạt phục vụ sản xuất, kinh doanh và dân sinh; trường học, trạm y tế, nhà văn hóa, chợ, cảng cá, các công trình thủy lợi, hệ thống nước phục vụ sinh hoạt và các công trình phúc lợi xã hội khác.

- Duy tu, bảo dưỡng các công trình hạ tầng cơ sở được đầu tư xây dựng trên địa bàn xã.

#### c) Kinh phí thực hiện:

- Tổng nhu cầu kinh phí là 30.000 triệu đồng (bình quân 01 tỷ đồng/xã/năm).

- Nguồn kinh phí: Do ngân sách Trung ương hỗ trợ.

d) Phân công thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND các huyện tổ chức thực hiện.

### 1.2. Hỗ trợ phát triển sản xuất:

a) Mục tiêu: Hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo phát triển sản xuất nông, lâm, ngư, diêm nghiệp bền vững theo hướng sản xuất hàng hóa, khai thác tốt tiềm năng, thế mạnh của địa phương, tạo việc làm, thu nhập ổn định cuộc sống, góp phần giảm nghèo nhanh và bền vững.

#### b) Nhiệm vụ:

- Hỗ trợ phát triển sản xuất như: giống cây trồng, con nuôi phù hợp đặc điểm từng địa bàn; hỗ trợ phương tiện để phát triển sản xuất, như: dịch vụ hậu cần trên biển, cho vay vốn đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh dịch vụ;

- Hỗ trợ phát triển ngành nghề: chi phí làm nhà xưởng, máy móc, thiết bị, vật tư sản xuất; tổ chức tập huấn, chuyển giao kỹ thuật đánh bắt, nuôi trồng, chế biến, bảo quản thủy - hải sản, đào tạo nghề, giải quyết việc làm;

- Hỗ trợ đa dạng các hình thức tạo điều kiện cho người nghèo, cận nghèo nâng cao năng lực sản xuất và tăng thu nhập, tạo điều kiện cho hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận các chính sách, nguồn lực, thị trường (thị trường vốn, lao động, đất đai, khoa học kỹ thuật - công nghệ và thị trường hàng hóa...);

- Xây dựng và nhân rộng các mô hình giảm nghèo bền vững.

c) Kinh phí thực hiện:

- Nhu cầu kinh phí là 7.200 triệu đồng;

- Nguồn kinh phí: Do ngân sách Trung ương hỗ trợ đầu tư.

d) Phân công thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, UBND các huyện tổ chức thực hiện.

2. Dự án 2: Chương trình 135 (theo Quyết định số 204/QĐ-TTg ngày 01/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135;

Quyết định số 75/QĐ-UBND ngày 29/02/2016 của Ủy ban Dân tộc về phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm 2016. Trong đó, tỉnh Bình Thuận có 10 xã và 21 thôn thuộc diện đầu tư của Chương trình 135).

2.1. Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng

a) Mục tiêu: Tăng cường cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất và dân sinh tại các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; thôn, bản đặc biệt khó khăn; bảo đảm các công trình đầu tư từng bước đạt chuẩn theo tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

b) Nhiệm vụ:

- Hoàn thiện hệ thống các công trình hạ tầng cơ sở thiết yếu như: đường giao thông nông thôn, điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất, trường học, trạm y tế, nhà văn hóa, chợ, các công trình thủy lợi, hệ thống nước phục vụ sinh hoạt và các công trình nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng...

- Duy tu, bảo dưỡng các công trình hạ tầng cơ sở được đầu tư xây dựng trên địa bàn các xã, thôn, bản.

c) Kinh phí thực hiện:

- Tổng nhu cầu kinh phí là 75.473 triệu đồng, trong đó:
- + Đầu tư phát triển 71.000 triệu đồng;
- + Duy tu bảo dưỡng 4.473 triệu đồng;
- Nguồn kinh phí: Do ngân sách Trung ương.

d) Phân công thực hiện: Ban Dân tộc tỉnh chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND các huyện chỉ đạo tổ chức thực hiện.

2.2. Hỗ trợ phát triển sản xuất:

a) Mục tiêu: Hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo phát triển sản xuất nông, lâm, ngư, diêm nghiệp bền vững theo hướng sản xuất hàng hóa, khai thác tốt tiềm năng, thế mạnh của địa phương, tạo thu nhập ổn định cuộc sống, góp phần giảm nghèo bền vững.

b) Nhiệm vụ:

- Hỗ trợ phát triển sản xuất như: Giống cây trồng, vật nuôi, phân bón, thuốc trừ sâu, thức ăn gia súc; máy móc, thiết bị, vật tư, dụng cụ sản xuất...;

- Tiếp tục rà soát hỗ trợ đất sản xuất cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số; hỗ trợ cải tạo đất sản xuất đã có nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

- Hỗ trợ phát triển ngành nghề và dịch vụ như: chi phí làm nhà xưởng, máy móc, thiết bị, vật tư sản xuất; tổ chức tập huấn, chuyển giao kỹ thuật trong nuôi trồng, chế biến và bảo quản các sản phẩm, đào tạo nghề, giải quyết việc làm;

- Hỗ trợ xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu quảng bá, giới thiệu sản phẩm, thông tin thị trường;

- Hỗ trợ đa dạng các hình thức tạo điều kiện cho người nghèo, cận nghèo nâng cao năng lực sản xuất và tăng thu nhập, tạo điều kiện cho hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận các chính sách, nguồn lực, thị trường (thị trường vốn, lao động, đất đai, khoa học kỹ thuật - công nghệ và thị trường hàng hóa đầu vào, đầu ra...);

- Xây dựng và nhân rộng các mô hình giảm nghèo bền vững.

c) Kinh phí thực hiện:

- Nhu cầu kinh phí là 20.250 triệu đồng
- Nguồn kinh phí: Do ngân sách Trung ương hỗ trợ đầu tư.

d) Phân công thực hiện: Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các huyện tổ chức thực hiện.

3. Dự án 3: Hỗ trợ các xã có tỷ lệ hộ nghèo cao (toàn tỉnh có 13 xã có tỷ lệ hộ nghèo từ 20% trở lên, trong đó có 10 xã thuộc Chương trình 135 được ngân sách

Trung ương hỗ trợ theo như nội dung Dự án 2, còn lại 3 xã: Mãng Tố, Suối Kiết và Tân Thắng do ngân sách tỉnh đầu tư):

### 3.1. Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng:

a) Mục tiêu: Tăng cường cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất và dân sinh tại 03 xã có tỷ lệ hộ nghèo cao, bảo đảm các công trình đầu tư từng bước đạt chuẩn theo tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

#### b) Nhiệm vụ:

- Hoàn thiện hệ thống các công trình hạ tầng cơ sở thiết yếu như: đường giao thông nông thôn, điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất, trường học, trạm y tế, chợ, các công trình thủy lợi, hệ thống nước phục vụ sinh hoạt và các công trình nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng;

- Duy tu, bảo dưỡng các công trình hạ tầng cơ sở được đầu tư xây dựng tại xã.

#### c) Kinh phí thực hiện:

- Tổng nhu cầu kinh phí là 12.720 triệu đồng, trong đó:

+ Đầu tư phát triển 12.000 triệu đồng;

+ Duy tu bảo dưỡng 720 triệu đồng;

- Nguồn kinh phí: Do ngân sách tỉnh đầu tư.

d) Phân công thực hiện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, UBND các huyện chỉ đạo tổ chức thực hiện.

### 3.2. Hỗ trợ phát triển sản xuất:

a) Mục tiêu: Hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo phát triển sản xuất nông, lâm, ngư, diêm nghiệp bền vững theo hướng sản xuất hàng hóa, khai thác tốt tiềm năng, thế mạnh của địa phương, tạo thu nhập ổn định cuộc sống, góp phần giảm nghèo nhanh và bền vững.

#### b) Nhiệm vụ:

- Hỗ trợ phát triển sản xuất như: Giống cây trồng, con nuôi, phân bón, thuốc trừ sâu, thức ăn gia súc; máy móc, thiết bị, vật tư, dụng cụ sản xuất...;

- Hỗ trợ cải tạo đất sản xuất như khai hoang, phục hóa, cải tạo đồng ruộng;

- Hỗ trợ phát triển ngành nghề và dịch vụ như: chi phí làm nhà xưởng, máy móc, thiết bị, vật tư sản xuất; tổ chức tập huấn, chuyển giao kỹ thuật trong nuôi trồng, chế biến và bảo quản các sản phẩm, đào tạo nghề, giải quyết việc làm;

- Hỗ trợ xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu quảng bá, giới thiệu sản phẩm, thông tin thị trường;

- Hỗ trợ đa dạng các hình thức, tạo điều kiện cho người nghèo, cận nghèo nâng cao năng lực sản xuất và đa dạng hóa về thu nhập, tạo điều kiện cho hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận các chính sách, nguồn lực, thị trường (thị trường vốn, lao động, đất đai, khoa học kỹ thuật - công nghệ và hỗ trợ tiêu thụ hàng hóa);

- Xây dựng và nhân rộng các mô hình giảm nghèo bền vững.

c) Kinh phí thực hiện:

- Nhu cầu kinh phí là 3.600 triệu đồng.

- Nguồn kinh phí: Ngân sách địa phương.

d) Phân công thực hiện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND các huyện có xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo chỉ đạo tổ chức thực hiện.

4. Dự án 4: Hỗ trợ sản xuất, tăng thu nhập, xây dựng mô hình giảm nghèo bền vững tại địa bàn (ngoài các nội dung đã đề cập tại Dự án 1, Dự án 2 và Dự án 3)

4.1. Mục tiêu:

- Hỗ trợ, thúc đẩy hộ nghèo, hộ cận nghèo phát triển sản xuất nông, lâm, ngư, diêm nghiệp có hiệu quả, học nghề gắn với tạo việc làm theo hướng sản xuất hàng hóa, khai thác tốt các thế mạnh của địa phương; tạo sự chuyển biến nhanh về thu nhập và đời sống cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, góp phần giảm nghèo nhanh và bền vững.

- Nhân rộng và đa dạng các hình thức tạo điều kiện, khuyến khích phát triển các hoạt động tạo việc làm cho người nghèo, cận nghèo; phát huy vai trò, trách nhiệm của cộng đồng trong việc xây dựng, nhân rộng các mô hình giảm nghèo hiệu quả nhằm nâng cao năng lực sản xuất và đa dạng hóa về thu nhập cho hộ nghèo, hộ cận nghèo; tạo điều kiện cho hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận các chính sách, nguồn lực, thị trường vốn, lao động, đất đai, khoa học kỹ thuật, thị trường hàng hóa.

4.2. Nhiệm vụ:

a) Tín dụng ưu đãi cho hộ nghèo:

- Tập trung giải quyết vốn cho vay, bảo đảm cho hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu về vốn, được vay vốn ưu đãi để phát triển sản xuất, hỗ trợ chi phí học tập, làm nhà ở, đi lao động ở nước ngoài và xây dựng công trình nước sinh hoạt, nhà vệ sinh theo đúng quy định. Cụ thể:

+ Cho vay phát triển sản xuất: 27.108 hộ/677.700 triệu đồng;

+ Cho vay làm nhà ở: 308 hộ/7.700 triệu đồng;

- + Cho vay học sinh, sinh viên: 5.422 hộ/67.775 triệu đồng;
- + Cho lao động nghèo vay đi làm việc ở nước ngoài: 20 hộ/600 triệu đồng;
- + Cho vay đầu tư công trình nước sinh hoạt, nhà vệ sinh: 10.947 hộ/65.682 triệu đồng;
- Tổng nhu cầu vốn là 818.457 triệu đồng (nguồn vốn tín dụng 808.457 triệu đồng, ngân sách địa phương ủy thác 10.000 triệu đồng).

b) Hỗ trợ điều kiện sản xuất và phát triển ngành nghề:

- Về đất sản xuất: tiếp tục tạo điều kiện cho hộ nghèo sử dụng có hiệu quả diện tích đất đã cấp trước đây, nhất là giúp đồng bào dân tộc thiểu số quản lý, sử dụng 14.861,12 ha đất sản xuất và 86.390,68 ha rừng đã giao những năm trước. Đồng thời, tiếp tục rà soát, tổ chức khai hoang để cấp đất sản xuất cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số đang thiếu đất sản xuất (khoảng 660,4 ha đất/751 hộ); tiếp tục thực hiện chủ trương giao khoán, bảo vệ rừng cho hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số. Nhu cầu kinh phí là 9.906 triệu đồng (ngân sách Trung ương);

- Về phát triển ngành nghề: tiếp tục hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo phát triển ngành nghề thông qua tổ chức tập huấn, hướng dẫn, chuyển giao kỹ thuật trong nuôi trồng, chế biến và bảo quản các sản phẩm, đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho khoảng 16.262 lượt người nghèo; ưu tiên hỗ trợ cho vay vốn sản xuất đối với các hộ thiếu vốn thông qua các tổ chức Hội, đoàn thể... Nhu cầu kinh phí 16.265 triệu đồng (ngân sách địa phương).

c) Khuyến nông - lâm - ngư - công:

Tiếp tục thực hiện các dự án khuyến nông, lâm, ngư, công nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng và chuyển giao tiến bộ khoa học - kỹ thuật về trồng trọt, chăn nuôi, phát triển ngành nghề truyền thống cho người nghèo, cận nghèo. Trong 5 năm có 43.372 lượt người nghèo được dự các lớp tập huấn, hướng dẫn về công tác khuyến nông, lâm, ngư, công và tham gia mô hình. Nhu cầu kinh phí là 8.655 triệu đồng (ngân sách địa phương).

d) Hỗ trợ người nghèo học nghề:

Tiếp tục thực hiện dự án đào tạo nghề cho lao động nông thôn, chú trọng đào tạo các ngành nghề khai thác nguyên liệu tại chỗ và các nghề không đòi hỏi kiến thức, học vắn cao nhằm tạo điều kiện cho người nghèo tham gia học nghề và thực hiện chính sách hỗ trợ học nghề cho người nghèo, bảo đảm đến cuối năm 2020 có 7.400 người nghèo được hỗ trợ học nghề, ưu tiên hỗ trợ người nghèo ở 13 xã có tỷ lệ hộ nghèo cao. Nhu cầu kinh phí là 8.880 triệu đồng (ngân sách Trung ương hỗ trợ).



đ) Xây dựng và nhân rộng mô hình giảm nghèo bền vững:

Tiếp tục duy trì, nhân rộng các mô hình giảm nghèo bền vững đã xây dựng trong giai đoạn 2011- 2015 đang phát huy hiệu quả như: mô hình sản xuất chuyên canh cây lúa nước, bắp lai, mỳ cao sản; mô hình dạy nghề gắn với tạo việc làm theo hướng sản xuất hàng hóa để người nghèo tiếp cận và tham gia; mô hình liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm. Đồng thời, xây dựng mới 10 mô hình giảm nghèo bền vững phù hợp với đặc điểm của từng vùng, nhất là ở các xã có tỷ lệ hộ nghèo cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số về chuyển đổi cây trồng, vật nuôi trong nông nghiệp; chuyển đổi nghề trong đánh bắt thủy sản và kinh doanh dịch vụ, liên kết phát triển kinh tế đến năm 2020.

Nhu cầu kinh phí là 1.600 triệu đồng (ngân sách địa phương).

4.3. Kinh phí thực hiện:

a) Tổng nhu cầu kinh phí là 863.763 triệu đồng.

b) Nguồn kinh phí:

- Vốn tín dụng ưu đãi lãi suất cho vay: 818.457 triệu đồng;

+ Vốn tín dụng NHCSXH: 808.457 triệu đồng;

+ Vốn ngân sách địa phương ủy thác 10.000 triệu đồng;

- Vốn ngân sách đầu tư: 45.306 triệu đồng;

+ Ngân sách Trung ương: 18.786 triệu đồng;

+ Ngân sách địa phương: 26.520 triệu đồng.

4.4. Phân công thực hiện:

- Ngân hàng Chính sách xã hội - Chi nhánh tỉnh Bình Thuận có trách nhiệm tổ chức thực hiện chương trình tín dụng ưu đãi hộ nghèo;

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo tổ chức thực hiện dự án hỗ trợ hộ nghèo về điều kiện sản xuất và phát triển ngành nghề; công tác khuyến nông, lâm, ngư, công cho hộ nghèo, hộ cận nghèo;

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện dự án đào tạo nghề cho lao động nông thôn; xây dựng và nhân rộng mô hình giảm nghèo bền vững.

5. Dự án 5: Truyền thông và hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận thông tin.

5.1. Mục tiêu:

a) Tiếp tục xây dựng và củng cố hệ thống thông tin - truyền thông cơ sở bao gồm hỗ trợ thông tin, đội ngũ cán bộ thông tin cơ sở và nội dung tuyên truyền. Đồng thời đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền nhằm phổ biến kịp thời các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác giảm nghèo và truyền tải các thông tin phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội, khoa học kỹ thuật phục vụ mọi tầng lớp nhân dân, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số;

b) Hỗ trợ các hộ gia đình nghèo, cận nghèo các phương tiện, trang thiết bị để tiếp cận, cập nhật thông tin đầy đủ, kịp thời thông qua các phương tiện tuyên thông nhằm góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm và sự hiểu biết của người dân về chủ trương, chính sách trong công tác giảm nghèo, từ đó nỗ lực vươn lên thoát nghèo nhanh và bền vững.

### 5.2. Nhiệm vụ:

a) Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình truyền thông về định hướng giảm nghèo bền vững; tuyên truyền, giáo dục ý chí tự lực vươn lên thoát nghèo;

b) Xây dựng và phát triển mạng lưới cán bộ tuyên truyền viên, báo cáo viên về giảm nghèo từ tỉnh đến cơ sở;

c) Xây dựng, phát triển website về giảm nghèo;

d) Đào tạo kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác thông tin và truyền thông tại cơ sở;

đ) Xây dựng điểm tuyên truyền, cổ động và trang bị phương tiện tác nghiệp phục vụ thông tin cổ động tại cơ sở;

e) Xây dựng nội dung chương trình thông tin tuyên truyền cổ động cho các đội thông tin cơ sở;

g) Hỗ trợ phương tiện nghe, nhìn, tra cứu thông tin cho hộ nghèo đang thiếu hụt về thông tin, truyền thông.

### 5.3. Kinh phí thực hiện:

- Nhu cầu kinh phí 12.658 triệu đồng, gồm:

+ Chi hoạt động thông tin, truyền thông: 1.500 triệu đồng (Ngân sách Trung ương hỗ trợ 1.000 triệu đồng, ngân sách địa phương 500 triệu đồng).

+ Chi hỗ trợ hộ nghèo phương tiện nghe, nhìn: 8.585 hộ/11.158 triệu đồng (ngân sách địa phương).

- Nguồn kinh phí:

+ Ngân sách Trung ương: 1.000 triệu đồng;

+ Ngân sách địa phương: 11.658 triệu đồng.

#### 5.4. Phân công thực hiện:

Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo tổ chức thực hiện dự án hỗ trợ hộ nghèo tiếp cận các dịch vụ viễn thông, thông tin.

6. Dự án 6: Các chính sách hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản.

#### 6.1. Mục tiêu:

Thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các chính sách hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định hiện hành, tạo điều kiện hộ nghèo, hộ cận nghèo ổn định cuộc sống và tiếp cận thuận lợi các dịch vụ xã hội cơ bản.

#### 6.2. Nhiệm vụ:

a) Chính sách hỗ trợ bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo:

Tiếp tục thực hiện chính sách bảo hiểm y tế cho hộ nghèo, hộ cận nghèo. Bảo đảm hàng năm có 100% các thành viên trong gia đình hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, người đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, người đang sinh sống tại xã đảo (huyện đảo) trên địa bàn tỉnh được cấp thẻ BHYT đầy đủ, kịp thời theo quy định của Chính phủ; 100% thành viên gia đình hộ cận nghèo được cấp BHYT. Nhu cầu kinh phí thực hiện khoảng 146.640 triệu đồng (do ngân sách Trung ương cấp bổ sung cho ngân sách địa phương và huy động từ ngân sách tỉnh và các nguồn hợp pháp khác).

b) Chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo:

Tiếp tục thực hiện đầy đủ, kịp thời chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh, sinh viên thuộc gia đình hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ đồng bào dân tộc thiểu số theo quy định hiện hành của Chính phủ và chính sách đặc thù của địa phương. Nhu cầu kinh phí thực hiện khoảng 13.193,56 triệu đồng (do ngân sách Trung ương cân đối cho ngân sách địa phương trong kế hoạch hàng năm).

c) Chính sách hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở:

- Tổ chức thực hiện Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015 (được cụ thể hóa tại Quyết định số 403/QĐ-UBND ngày 04/02/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh), với 308 hộ/12.320 triệu đồng (vốn vay Ngân hàng CSXH là 7.700 triệu đồng; từ Quỹ vì người nghèo các cấp là 4.620 triệu đồng).

- Rà soát, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cần thiết để triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2016 - 2020 theo chủ trương, quy định của Thủ tướng Chính phủ.

d) Chính sách hỗ trợ hộ nghèo xây dựng công trình nước sinh hoạt và vệ sinh:

Tiếp tục thực hiện chính sách cho hộ nghèo vay vốn đầu tư xây dựng công trình nước sinh hoạt như: giếng đào, giếng khoan hoặc mắc đường ống nước sạch sinh hoạt, bảo đảm giai đoạn 2016 - 2020 có 10.947 hộ nghèo được vay vốn xây dựng công trình nước sinh hoạt và nhà vệ sinh (hố xí hợp vệ sinh). Nhu cầu kinh phí 65.682 triệu đồng (vốn tín dụng ngân hàng chính sách xã hội và các nguồn huy động khác).

6.3. Kinh phí thực hiện:

- Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách là 247.835,56 triệu đồng.

- Nguồn kinh phí:

+ Vốn tín dụng ưu đãi: 73.382 triệu đồng (đã tính ở Điểm a mục 4.2).

+ Vốn ngân sách địa phương: 159.833,56 triệu đồng;

+ Huy động cộng đồng (Quỹ vì người nghèo các cấp): 4.620 triệu đồng và các nguồn lực khác 10.000 triệu đồng.

6.4. Phân công thực hiện:

- Bảo hiểm xã hội tỉnh chủ trì, phối hợp với sở, ngành liên quan và UBND các địa phương tổ chức triển khai thực hiện việc cấp thẻ bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, người đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, người đang sinh sống tại xã đảo (huyện đảo) và hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh được cấp thẻ BHYT đầy đủ, kịp thời theo quy định;

- Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh, sinh viên thuộc gia đình hộ nghèo, hộ cận theo quy định hiện hành của Chính phủ và chính sách đặc thù của địa phương;

- Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ xây dựng nhà ở cho hộ nghèo, hướng dẫn thực hiện xây dựng công trình hố xí hợp vệ sinh;

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo tổ chức thực hiện dự án hỗ trợ hộ nghèo xây dựng công trình nước sinh hoạt;

- Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo tổ chức thực hiện chính sách bảo hiểm y tế và thực hiện nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân nói chung, trong đó có sự quan tâm đúng mức, kịp thời đối với các đối tượng, địa bàn khó khăn, đặc biệt khó khăn, dân tộc thiểu số.

7. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình

7.1. Mục tiêu:

Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo ở các cấp. Thiết lập hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý Chương trình.

7.2. Nhiệm vụ:

a) Đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ nhằm nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp, nhất là tại các xã có tỷ lệ hộ nghèo cao, xã vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Tổ chức đối thoại chính sách, xác định nhu cầu và năng lực tham gia của người dân;

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nâng cao năng lực cộng đồng; kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác giảm nghèo;

- Xây dựng và tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm giữa các địa phương; tổ chức hội thảo, hội nghị về giảm nghèo.

b) Giám sát đánh giá thực hiện Chương trình giảm nghèo.

- Xây dựng tài liệu hướng dẫn và tổ chức tập huấn về cập nhật, khai thác thông tin theo dõi, giám sát giảm nghèo cho cán bộ quản lý các cấp;

- Tổ chức việc theo dõi, giám sát và đánh giá việc thực hiện mục tiêu giảm nghèo hàng năm ở các cấp;

- Tổ chức đánh giá giữa nhiệm kỳ Chương trình giảm nghèo vào năm 2018;

- Thiết lập cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý dữ liệu về giảm nghèo của tỉnh và huyện;

- Nâng cao năng lực vận hành hệ thống theo dõi, giám sát, đánh giá và cập nhật thông tin về giảm nghèo.

7.3. Kinh phí thực hiện:

- Nhu cầu kinh phí là 6.850 triệu đồng.

- Nguồn kinh phí:

+ Ngân sách Trung ương 4.600 triệu đồng;

+ Ngân sách địa phương cấp 2.250 triệu đồng.

7.4. Phân công thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo tổ chức thực hiện.

### **III. TỔNG NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

1. Nhu cầu kinh phí: Tổng mức vốn thực hiện từ ngân sách nhà nước tối thiểu chương trình: 1.206.967 triệu đồng.

2. Cơ cấu nguồn vốn:

2.1. Nguồn vốn tín dụng: 818.457 triệu đồng;

a) Nguồn vốn tín dụng huy động: 808.457 triệu đồng.

b) Nguồn ngân sách ủy thác: 10.000 triệu đồng.

2.2. Nguồn vốn ngân sách: 373.890 triệu đồng

a) Ngân sách Trung ương hỗ trợ: 157.309 triệu đồng, trong đó:

- Vốn đầu tư phát triển: 115.379 triệu đồng;

- Vốn sự nghiệp: 41.930 triệu đồng.

b) Ngân sách địa phương: 216.581 triệu đồng, trong đó:

+ Vốn đầu tư phát triển: 32.585 triệu đồng;

+ Vốn sự nghiệp: 183.996 triệu đồng (bao gồm nguồn Trung ương cân đối cho ngân sách địa phương để thực hiện chính sách BHYT, giáo dục).

2.3. Nguồn huy động cộng đồng: 14.620 triệu đồng (Quỹ vì người nghèo các cấp 4.620 triệu đồng; huy động khác 10.000 triệu đồng).

Ngoài ngân sách Trung ương đầu tư, nguồn huy động từ cộng đồng, hàng năm ngân sách địa phương bố trí kinh phí phù hợp để thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 (trong đó có hỗ trợ kinh phí 30% còn lại để mua thẻ BHYT cho các thành viên gia đình hộ cận nghèo). Trong quá trình tổ chức thực hiện, Sở Tài chính phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ động đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh tạm ứng ngân sách để đầu tư thực hiện các dự án của Chương trình.

### **IV. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

1. Các cấp, các ngành phải nhận thức đầy đủ, sâu sắc về mục đích, ý nghĩa và nắm vững nội dung Chương trình giảm nghèo bền vững theo chuẩn đa chiều để từ đó nâng cao trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện có hiệu quả Chương trình. Mặt khác, phải làm tốt công tác tuyên truyền về Chương trình trong cán bộ, đảng viên

và nhân dân nhất là những hộ nghèo, cận nghèo để thấy rõ sự quan tâm của Đảng và Nhà nước về thực hiện giảm nghèo bền vững, từ đó tích cực tham gia thực hiện tốt các dự án, chương trình giảm nghèo và các hộ nghèo phải nỗ lực phấn đấu vươn lên sớm thoát nghèo bền vững, không trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước.

2. Tăng cường hơn nữa vai trò lãnh đạo của cấp ủy, điều hành của chính quyền, giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp trong việc tổ chức, triển khai thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững. Cùng cố, kiện toàn, phát huy đúng mức vai trò, trách nhiệm của Ban Chỉ đạo giảm nghèo bền vững các cấp. Tạo điều kiện thuận lợi để tăng cường sự tham gia giám sát của người dân về các hoạt động của Chương trình (từ việc xác định đối tượng thu hưởng đến việc lập kế hoạch; triển khai, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện), bảo đảm tính công khai, dân chủ minh bạch và tính trách nhiệm trong suốt quá trình thực hiện Chương trình.

3. Từng địa phương cần tập trung đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về sản xuất kinh doanh dịch vụ đa dạng. Quan tâm tập trung đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp, khuyến khích mở ra nhiều ngành nghề, dịch vụ, tạo sinh kế cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, trong đó đặc biệt chú trọng tăng cường chuyển giao tiến bộ khoa học - kỹ thuật và công nghệ mới vào sản xuất nhằm nâng cao năng suất lao động, nâng cao chất lượng và hiệu quả cây trồng, con nuôi trong nông nghiệp, cải thiện đời sống cho hộ nghèo, hộ cận nghèo.

4. Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức làm công tác giảm nghèo ở các cấp. Thực hiện chính sách khuyến khích trí thức trẻ tình nguyện về nhận công tác tại các xã có tỷ lệ nghèo cao; các xã, thôn, bản có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo.

5. Thực hiện đa dạng nguồn vốn huy động để thực hiện Chương trình, bảo đảm huy động đủ, kịp thời, đúng cơ cấu đã quy định. Ưu tiên nguồn vốn đầu tư thực hiện các dự án tại các xã có tỷ lệ nghèo cao; các xã, thôn, bản có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo. Tiếp tục rà soát, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc để tổ chức thực hiện có hiệu quả các dự án, chính sách hỗ trợ giảm nghèo, tạo điều kiện cho hộ nghèo, hộ cận nghèo phát triển sản xuất, tăng thu nhập, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản.

6. Thực hiện lồng ghép có hiệu quả Chương trình xây dựng nông thôn mới và các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội khác nhằm tập trung nguồn vốn đầu tư phát triển các công trình hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất và đời sống gắn với quy hoạch dân cư ở nông thôn.

7. Bố trí công chức văn hóa - xã hội chuyên trách lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội làm thường trực Chương trình giảm nghèo bền vững ở cấp xã. Sử dụng cán bộ đoàn thể ở cơ sở làm cộng tác viên giảm nghèo.

8. Đẩy mạnh xã hội hóa nhằm huy động mọi nguồn lực trong xã hội để trợ giúp người nghèo, cận nghèo, vùng nghèo; có chính sách phù hợp để khuyến khích các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế hỗ trợ, đầu tư vào các xã đặc biệt khó khăn; xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số nhằm góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tại các địa bàn khó khăn.

9. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và đánh giá áp dụng hệ thống chỉ tiêu chung cho cả 3 cấp (xã, huyện, tỉnh) theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Xây dựng dữ liệu phần mềm quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo dùng chung cho cả 3 cấp và thực hiện đúng, đủ, kịp thời chế độ thông tin, báo cáo bảo đảm công tác lãnh đạo, chỉ đạo ở từng cấp sát thực tế, kịp thời.

## V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### 1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

Rà soát, đề xuất củng cố Ban Chỉ đạo giảm nghèo bền vững các cấp.

Là cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo giảm nghèo bền vững cấp tỉnh, có trách nhiệm theo dõi tiến độ và tổng hợp chung kết quả thực hiện Chương trình giảm nghèo; phối hợp với các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện Dự án 1 và Dự án 7; chương trình việc làm và đào tạo nghề cho lao động nông thôn; xây dựng và nhân rộng các mô hình giảm nghèo có hiệu quả; tổ chức thực hiện chính sách về hệ thống an sinh xã hội.

### 2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

Phối hợp với các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các nội dung của Chương trình liên quan đến trách nhiệm của ngành tại các Dự án 3, 4 gắn với thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới.

### 3. Ban Dân tộc tỉnh:

Chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện Dự án 2 và các chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số về hỗ trợ phát triển sản xuất, nhà ở, nước sinh hoạt, giáo dục, học nghề, y tế thuộc Chương trình 135 và chính sách đặc thù của tỉnh.

### 4. Sở Giáo dục và Đào tạo:

Xây dựng, tổ chức thực hiện các chính sách và kế hoạch về giáo dục - đào tạo đối với học sinh, sinh viên thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định hiện



hành của Nhà nước; duy trì kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở, xóa mù chữ và chống tái mù chữ...

#### 5. Sở Y tế:

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố theo dõi, đôn đốc công tác mua, cấp BHYT và thanh quyết toán chi phí khám chữa bệnh cho người thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo; tổ chức khám chữa bệnh; xác nhận các cơ sở y tế ngoài công lập đủ tiêu chuẩn cung cấp dịch vụ y tế cho người nghèo; xây dựng kế hoạch và thực hiện hỗ trợ cho hộ nghèo, vùng nghèo về dân số, kế hoạch hóa gia đình và công tác vệ sinh phòng bệnh.

#### 6. Sở Xây dựng:

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện Đề án hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015.

#### 7. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính:

- Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí nguồn lực để thực hiện bảo đảm các mục tiêu của Chương trình được phê duyệt; trong đó chú ý lồng ghép với các chương trình, dự án khác trên địa bàn tỉnh để bảo đảm tính đồng bộ, hiệu quả.

- Chủ trì hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí của Chương trình.

#### 8. Ngân hàng Chính sách xã hội - Chi nhánh Bình Thuận:

Chủ động lập kế hoạch nguồn vốn và tổ chức thực hiện dự án tín dụng ưu đãi cho các đối tượng theo kế hoạch hàng năm. Thực hiện có hiệu quả tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo, các thôn, xã đặc biệt khó khăn và vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng sâu, vùng xa; xử lý kịp thời những vụ việc chiếm dụng vốn và nợ quá hạn nhằm bảo tồn, khai thông nguồn vốn và nâng hệ số vòng quay của vốn, tạo điều kiện thuận lợi cho người nghèo vay vốn phát triển sản xuất, cải thiện nhà ở theo quy định hiện hành của Trung ương và địa phương.

#### 9. Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các Đoàn thể tỉnh:

Xây dựng kế hoạch phối hợp thực hiện các nội dung của Chương trình giảm nghèo bền vững liên quan nhiệm vụ của tổ chức mình. Tổ chức các cuộc vận động, các phong trào giúp phát triển kinh tế gia đình, giảm nghèo trong hội viên, đoàn viên và nhân dân nhằm thực hiện có hiệu quả Chương trình giảm nghèo bền vững tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2016 - 2020.

10. Sở Thông tin và Truyền thông, Báo Bình Thuận, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh:

- Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng chuyên trang, chuyên mục để đăng tin, phát sóng định kỳ về nội dung, kết quả Chương trình; kịp thời thông tin, phổ biến các chủ trương, chính sách giảm nghèo bền vững, những mô hình hay, những gương điển hình trong Chương trình giảm nghèo bền vững nghèo đến năm 2020. Thực hiện các giải pháp cụ thể tạo điều kiện cho hộ nghèo tiếp cận thuận lợi các dịch vụ về thông tin truyền thông nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm, từ đó tham gia tích cực các hoạt động giảm nghèo tại địa phương.

- Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện Dự án 5.

11. Các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh:

Xây dựng kế hoạch cụ thể tổ chức thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững của tỉnh giai đoạn 2016 - 2020 trong phạm vi trách nhiệm của ngành mình. Trong đó, hàng năm mỗi sở, ngành phải đề ra cụ thể những nội dung, phân việc phải làm để hỗ trợ, giúp đỡ vùng nghèo, xã nghèo, hộ nghèo trên địa bàn tỉnh và tổ chức thực hiện đúng nội dung Kế hoạch đề ra. Phối hợp với các sở, ngành có liên quan và địa phương tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các dự án, chính sách của Chương trình giảm nghèo bền vững thuộc ngành mình quản lý.

12. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

Có trách nhiệm xây dựng kế hoạch giảm nghèo bền vững đến năm 2020 và kế hoạch thực hiện hàng năm tại địa phương mình; huy động nguồn lực và tổ chức thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình theo chỉ đạo của UBND tỉnh và hướng dẫn chuyên môn của các sở, ngành cấp tỉnh. Phân công, phân cấp rõ trách nhiệm của từng cấp, của từng cơ quan chức năng trong việc tổ chức thực hiện Chương trình theo nguyên tắc đề cao tinh thần trách nhiệm của người đứng đầu tổ chức, cơ quan liên quan.

13. Chế độ báo cáo

Định kỳ hàng quý, 6 tháng, năm các sở, ngành, đoàn thể tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để theo dõi, chỉ đạo. Đồng thời, thực hiện sơ kết giữa kỳ và tổng kết cuối kỳ để đánh giá tình hình, kết quả thực hiện Chương trình./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**  
**Nguyễn Ngọc Hai**